

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa - Năm 2022
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã,
tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở UBND cấp xã (các lĩnh vực Thanh tra)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy
định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành
chính;*

*Xét đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 09/TTr-TTT ngày 10
tháng 01 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 (bốn) thủ tục hành
chính chuẩn hóa - Năm 2022 thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân
cấp xã được tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (các lĩnh vực
Thanh tra) (kèm theo Danh mục TTHC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các
quyết định:

1. Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa, thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*Phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh*);

2. Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế; bị thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (*Lĩnh vực: Tiếp công dân và Xử lý đơn*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *AK*

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - VPCP (*để b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP; các PCVP UBND tỉnh;
- Bureau điện tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Tr. Phòng NC (*Khuyến*);
- Tr. Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT; (*Tv.X.1*). *je*



Phạm Văn Thiều

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA - NĂM 2022
THUỘC THẨM GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
Tiếp nhận hồ sơ tại Trụ sở UBND cấp xã (các lĩnh vực Thanh tra)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 284 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

Số TT	Mã số TTHC (Trên Cổng dịch vụ công quốc gia)	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Căn cứ pháp lý	Quy trình nội bộ	Quy trình điện tử
I. LĨNH VỰC: TIẾP CÔNG DÂN (01 TTHC)									
01	1.010945.000 .00.00.H04	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Trực tiếp	- Đối với nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh: Theo khoản 1, Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, kiến nghị, phản ánh. - Đối với nội dung tố cáo: Theo Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018: Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 (mười) ngày làm việc.	Không quy định	- Chủ tịch UBND cấp xã;	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình Tiếp công dân.	x	

II. LĨNH VỰC: XỬ LÝ ĐƠN (01 TTHC)

01	2.002501.000 .00.00.H04	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	- Đối với đơn khiếu nại, phản ánh, kiến nghị: Trong thời hạn 10 (<i>mười</i>) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn. - Đối với đơn tố cáo: Trong thời hạn 07 (<i>bảy</i>) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tố cáo; trường hợp phải kiểm tra, xác minh tại nhiều địa điểm hoặc phải ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kiểm tra, xác minh thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 (<i>mười</i>) ngày làm việc.	Không quy định	- Chủ tịch UBND cấp xã;	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.	x	
----	----------------------------	---------------------------------------	---	---	----------------	---	---	---	--

III. LĨNH VỰC: GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI (01 TTHC)

01	2.002409.000 .00.00.H04	Thủ tục giải quyết khieu nại lần đầu tại cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu chính	Theo Điều 28, Luật Khiếu nại 2011: Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	Không quy định	- Chủ tịch UBND cấp xã;	- Luật Khiếu nại 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại.	x	
----	----------------------------	---	--	---	-------------------	----------------------------------	---	---	--

IV. LĨNH VỰC: GIẢI QUYẾT TỔ CÁO (01 TTHC)

01	2.002396.000 .00.00.H04	Thủ tục giải quyết tổ cáo tại cấp xã	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	Theo quy định tại Điều 30 Luật tố cáo: Thời hạn giải quyết tố cáo: không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.	Không quy định	- Chủ tịch UBND cấp xã;	- Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.	x	
----	----------------------------	--	--	---	-------------------	----------------------------------	---	---	--

TỔNG SỐ: 04 thủ tục hành chính. Trong đó:

- DVCTT: Một phần: 0 TTHC;
- DVCTT: Toàn trình: 0 TTHC;
- Thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND cấp xã: 04 TTHC;
- Thu phí + Lệ phí: không có.
- Đã xây dựng QTNB: 04 TTHC;
- + *Thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã: 04 TTHC;*
- Đã xây dựng QTĐT: 0 TTHC;
- + *Thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã: 00 TTHC;*